

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 17/CV-PTC ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Du lịch Thái Bình về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Tuyến cáp treo Hương Bình” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Du lịch Thái Bình có địa chỉ tại xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Tuyến cáp treo Hương Bình” tại xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình và xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Tuyến cáp treo Hương Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình và xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400427349 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 15 tháng 7 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04 tháng 12 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 5400427349.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ du lịch, tham quan, vận hành cáp treo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất sử dụng (đã được thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất): 34,8923 ha. Trong đó:

+ Diện tích nhà ga động lực đầu thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình và các trụ cáp là 13,4683 ha; diện tích hành lang tuyến cáp là 3,7193 ha;

+ Diện tích nhà ga quay đầu thuộc địa phận thành phố Hà Nội và các trụ cáp là 14,1358 ha; diện tích hành lang tuyến cáp là 3,5689 ha.

- Công suất của dự án: Công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo phục vụ khách du lịch với khoảng 3.650.000 lượt khách/năm (dự kiến tối đa).

- Phạm vi cấp giấy phép môi trường:

+ Hoàn thành toàn bộ tuyến cáp treo Hương Bình với tổng chiều dài là 2.965 m, có 24 trụ cáp, trong đó: Chiều dài tuyến cáp treo đi trên cao thuộc địa bàn xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình là 1.486 m; địa bàn xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội là 1.479 m.

+ Hoàn thành 02 nhà ga chính, trong đó nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội có diện tích sử dụng đất là 8.319,83 m², cao 02 tầng; nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình có diện tích sử dụng đất là 9.218 m², cao 04 tầng.

Quy trình vận hành của dự án: Khách thăm quan, du lịch tại 02 đầu nhà ga → Nhà ga đón/trả khách → Tuyến cáp treo → Nhà ga đón/trả khách.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Du lịch Thái Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Du lịch Thái Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2032).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Hà Nội (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND tỉnh Hòa Bình (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH MTV Du lịch Thái Bình;
- Lưu: VT, KSONMT, NTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ga (đầu) thuộc địa phận thành phố Hà Nội.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà ga (quay đầu) thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng thải số 01: Tương ứng với nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải từ nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội có công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm, được xả ra Suối Long Vân thuộc xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Dòng thải số 02: Tương ứng với nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải từ nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình có công suất thiết kế 30 m³/ngày.đêm, được xả ra hệ thống thoát nước chung của xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải dòng thải số 01: X = 2278208,223 Y = 579737,623.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰', múi chiếu 3^o).

- Tọa độ vị trí xả nước thải dòng thải số 02: X = 2275123,440; Y = 473422,587.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰⁰', múi chiếu 3^o).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng thải số 01: 100 m³/ngày (24 giờ).

- Dòng thải số 02: 30 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về với nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 (nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội) được xử lý sơ bộ tại 03 bể tự hoại được thu gom về trạm xử lý nước thải sinh hoạt từ nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội công suất thiết kế 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý trước khi xả ra Suối Long Vân thuộc xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội bằng đường ống nhựa HDPE có đường kính 300 mm, chiều dài 100 m.

- Nguồn số 02 (Nước thải sinh hoạt từ nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình) được xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại được thu gom về trạm xử lý nước thải từ nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình công suất thiết kế 30 m³/ngày (24 giờ) để xử lý trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình bằng đường ống nhựa HDPE có đường kính 200 mm, chiều dài 100 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

* Nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tự hoại 03 ngăn → Trạm xử lý nước thải nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội công suất thiết kế 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Số lượng: 03 bể tự hoại

- Thể tích: 01 bể thể tích 25 m³, 01 bể thể tích 20 m³ và 01 bể thể tích 15 m³

- Hóa chất sử dụng: Không

* Nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tự hoại 03 ngăn → Trạm xử lý nước thải nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình công suất thiết kế 30 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Số lượng: 02 bể tự hoại

- Thể tích: 01 bể thể tích 15 m³ và 01 bể thể tích 06 m³

- Hóa chất sử dụng: Không

1.2.2. Trạm xử lý nước thải thuộc địa phận nhà ga thành phố Hà Nội

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Suối Long Vân

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Dinh dưỡng, NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.2.3. Trạm xử lý nước thải thuộc địa phận nhà ga tỉnh Hòa Bình

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hệ thống thoát nước chung xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Dinh dưỡng, NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho trạm xử lý nước thải như máy bơm, máy thổi khí, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra thường xuyên các thiết bị máy móc (máy bơm, thổi khí, hệ thống điều khiển) để phát hiện và sửa chữa kịp thời các hư hỏng nhỏ.

- Lắp đặt các cảm biến và hệ thống giám sát để theo dõi tình trạng hoạt động của các thiết bị và cảnh báo sớm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc sự cố.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại bể điều hòa và đường ống. Đối với sự cố kéo dài, nước thải được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý, cam kết không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn vào nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Trạm xử lý nước thải nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội công suất thiết kế 100 m³/ngày (24 giờ).

- Trạm xử lý nước thải nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình công suất thiết kế 30 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Trạm xử lý nước thải thuộc địa phận thành phố Hà Nội:

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu vào: Tại bể gom nước thải đầu vào.

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu ra: Sau bể khử trùng trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Trạm xử lý nước thải thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình:

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu vào: Tại bể gom nước thải đầu vào.

+ Vị trí lấy mẫu nước thải đầu ra: Sau bồn lọc áp lực trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý, thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Phải thực hiện đấu nối toàn bộ nước thải phát sinh từ thuộc địa phận nhà ga đầu Hòa Bình về Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu du lịch văn hóa và nghỉ dưỡng Lạc Thủy sau khi xây dựng và đi vào vận hành.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: Khí thải (phát sinh mùi) từ Trạm xử lý nước thải nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải hệ thống thoát khí của hệ thống xử lý mùi tại Trạm xử lý nước thải có vị trí xả khí thải: Tọa độ X = 2277801; Y = 579783.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰, múi chiều 3^o).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 800 m³/giờ.**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

- Dòng khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột B, Kp = 1,0, Kv = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50 ¹	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5 ¹	
3	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	15 ²	

* Ghi chú:

- (1): Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột B, Kp = 1,0 và Kv = 1,0).

- (2): Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải (mùi) từ trạm xử lý nước thải được thu gom qua đường ống về hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải sinh hoạt thuộc địa phận thành phố Hà Nội để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Quy trình công nghệ:

Khí thải (mùi) → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 800 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH 32% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, kiểm định các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống. Trang bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý mùi tại Trạm xử lý nước thải nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội công suất thiết kế 800 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải, mùi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại mục 2.2.2. phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải, mùi phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí vị trí lấy mẫu để quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Thuộc địa phận phát điện dự phòng tại nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình.

- Nguồn số 02: Thuộc địa phận đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm tại nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình

- Nguồn số 03: Thuộc địa phận đặt máy phát điện dự phòng tại nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội.

- Nguồn số 04: Thuộc địa phận đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm thuộc địa phận thành phố Hà Nội.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2275235; Y= 474154.

- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2274977; Y = 473912.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiếu 3°)

- Nguồn số 03: Tọa độ X = 2277790; Y= 579781.

- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2277798; Y = 579785.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Thuộc địa phận thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Thuộc địa phận thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn

định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp thông thường cần kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	200
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	100
3	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	KS	10
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	KS	20
5	Ắc quy chì thải	19 06 01	NH	100
	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	NH	
	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 05	NH	
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	50
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	20
TỔNG KHỐI LƯỢNG				500

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải từ 02 trạm xử lý nước thải	1
TỔNG KHỐI LƯỢNG		1

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **15 tấn/năm.**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng nhựa có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại, được để đặt tại kho lưu chứa.

2.1.2. Kho CTNH.

- Diện tích kho lưu giữ CTNH tại nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình: 7 m².

- Diện tích kho lưu giữ CTNH tại nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội: 11 m².

- Thiết kế, cấu tạo kho lưu chứa: Mái lợp tôn, tường xây gạch, nền bê tông chống thấm, có rãnh thu gom nước rò rỉ, trần đổ, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa loại 20 ÷ 100L có nắp đậy, có dán nhãn phân loại chất thải rắn sinh hoạt lưu chứa gồm: rác thải có thể tái chế, rác hữu cơ và các loại thực phẩm thừa, các loại rác thải thông thường khác. Các thùng rác được đặt tại ở các khu nhà chức năng, khu công cộng và dọc đường giao thông tại dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Kho lưu chứa: 01 kho tại nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình có diện tích 06 m² và 01 kho tại nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội có diện tích 18 m².

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Đối với phần diện tích đất tại tỉnh Hòa Bình: Chủ dự án đã thực hiện phương án trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hòa Bình của dự án để thực hiện trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác theo Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

- Diện tích phải trồng rừng thay thế là 9,3 ha.
- Số tiền đã nộp: 327.237.240 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi đồng).
- Hình thức nộp tiền: Nộp tiền 1 lần vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hòa Bình.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Theo Quyết định số 2438/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Tuyến cáp treo Hương Bình” tại xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình và xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; các nội dung chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường gồm:

1.1. Tại nhà ga thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình**a. Các hạng mục công trình chính:**

- + Xây dựng khu dịch vụ cao tối đa 2 tầng, trên tổng diện sử dụng đất 8.211 m², gồm: khu thương mại dịch vụ; nhà dịch vụ nghỉ dưỡng.
- + 86 căn biệt thự nghỉ dưỡng, cao tối đa 2 tầng, trên tổng diện tích sử dụng đất 13.741 m².

b. Các hạng mục công trình phụ trợ:

- + Hoàn thiện hệ thống giao thông nội bộ tại các khu dịch vụ, biệt thự nghỉ dưỡng.
- + Trồng cây xanh tại các khu dịch vụ, biệt thự nghỉ dưỡng.

c. Các hạng mục công trình BVMT: Lắp đặt đường ống, thiết bị dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của khu du lịch văn hóa và nghỉ dưỡng Lạc Thủy với công suất 2.100 m³/ngày.đêm để xử lý. Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải hiện hữu công suất thiết kế 30 m³/ngày.đêm của dự án.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của nhà ga thuộc địa phận thành phố Hà Nội:**a. Các hạng mục công trình chính:**

Xây dựng 15 nhà chờ, tầng cao 1 tầng trên tổng diện tích 5.000 m².

b. Các hạng mục công trình phụ trợ:

- + Hoàn thiện hệ thống giao thông nội bộ đi vào khu nhà chờ.
- + Trồng cây xanh tại các thuộc địa phận còn lại.

2. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác thuộc địa phận dự án trong quá trình thi công xây dựng, Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện giám sát chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, đất đỏ, đá, vật liệu thải trong giai đoạn thi công xây dựng theo đúng quy định.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình nêu trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đối với diện tích 35.689,8 m² đất hành lang bảo vệ tuyến cáp treo thuộc địa bàn thuộc địa phận thành phố Hà Nội (phần tuyến cáp đi phía trên cao, cách chiều cao tối đa của cây rừng khoảng 30 m), Chủ dự án sẽ được giữ nguyên hiện trạng trong quá trình xây dựng và vận hành dự án; thực hiện các thủ tục thuê môi trường rừng, các nội dung trong Đề án thuê môi trường rừng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; nộp tiền thuê môi trường rừng và các yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, lâm nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Thuộc địa phận lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Khí thải từ máy phát điện dự phòng (lắp đặt tại thuộc địa phận riêng biệt) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch) trong mọi trường hợp. (Chủ sở hữu đã đầu tư máy phát điện có tích hợp thiết bị xử lý là bộ lọc xúc tác trước khi xả khí thải ra môi trường).

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.